TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HSST
Ngày: 29/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Thiêm và ông Nguyễn Hữu Khuyến

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình – Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXX-HS ngày 16 tháng 6 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Lê Hữu H; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 09/02/1963, tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn CT, xã DHT, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Lê Hữu Đ và bà Nhâm Thị Th (đều đã chết); Vợ: Phạm Thị V, sinh năm 1966, trú tại thôn thôn CT, xã DHT, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Có 03 con (con lớn sinh năm 1978, con nhỏ sinh năm 1994); Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/4/2022 đến ngày 09/4/2022 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình – *Có mặt*

2. Bùi Thành L; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 24/6/1986, tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn ĐTL, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Bùi Dũng S và bà Hoàng Thị Th, đều sinh năm 1958, cùng trú tại thôn ĐTL, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.Vợ Bùi Thị Hồng V, sinh năm 1989, đã ly hôn; Vợ thứ hai: Nguyễn Thị B, sinh năm 1981, trú tại

thôn ĐTL, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình. Bị cáo có hai con thứ nhất sinh năm 2008, con thứ hai sinh năm 2019.

Tiền sự: 01. Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 27/2021/QĐ-TA ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đối với Bùi Thành Luân: buộc Luân phải chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 21 tháng, kể từ ngày người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bị tạm giữ để đưa đi cơ sở cai nghiện. Quyết định giải quyết khiếu nại số 02/QĐ-TA ngày 18/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, quyết định giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 27/2021/QĐ-TA ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, buộc Luân phải chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 21 tháng, kể từ ngày Luân bị bắt để đưa đi cai nghiện bắt buộc. Luân chưa chấp hành quyết định.

Tiền án: Bản án số 07/2016/HSST ngày 19/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Bình xét xử bị cáo Bùi Thành L 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 487.000 đồng án phí án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo đã chấp hành xong nghĩa vụ nộp án phí; ngày 30/6/2017 chấp hành xong hình phạt tù; Bản án số 47/2019/HSST ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử bị cáo Bùi Thành Luân 01 năm 6 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 14/5/2019, bị cáo chấp hành xong án phí, ngày 20/5/2020 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Bị bắt tạm giam ngày 08/4/2022 đến nay. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình – Có mặt

** Người làm chứng:*

Anh Trần Văn T, sinh năm 1989 – *Vắng mặt*

Trú tại: thôn H, xã VC, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

** Người chứng kiến:*

- Ông Lê Trung T, sinh năm 1958 – *Có mặt*

Trú tại: thôn CT, xã DHT, huyện Thái Thụy, Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 06/4/2022, bị cáo Lê Hữu H đi xe ôm của một người không quen biết đến chân cầu D Đ, thuộc thị trấn D Đ, huyện TT, tỉnh Thái Bình mua được của

một người đàn ông khoảng 50 tuổi, nhưng không biết tên, địa chỉ 46 gói ma túy, loại heroine đựng trong 01 túi nilon có mép cài với giá 3.000.000 đồng mục đích để bán kiếm lời. Sau đó, bị cáo đi xe ôm của người không quen biết về nhà, lấy từ túi nilon nói trên ra 29 gói heroine gói vào tờ giấy ăn rồi cuốn bên ngoài bằng dây chun màu vàng, cất giấu tại ngăn tủ để tivi bên phải phía dưới trong phòng khách tầng một, còn lại túi nilon bên trong có 17 gói Heroine, bị cáo cất vào túi quần bên phải phía trước đang mặc. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, khi bị cáo H đang đứng tại cổng nhà thì thấy anh Trần Văn T, sinh năm 1989, trú tại thôn H, xã VC, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình là lái xe ôm chở bị cáo Bùi Thành L (là người đã bị kết án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" chưa được xóa án tích) đến, anh T dừng xe, L đi bộ đến hỏi Hải: "Có ma túy không bán em cho 200.000 đồng". Hải nói "Có" rồi lấy từ túi nilon bên trong có 17 gói heroine tại túi quần bên phải phía trước đang mặc ra 02 gói heroine đưa cho L. L nhận 02 gói ma túy rồi cất vào túi áo ngực bên trái phía trước L đang mặc rồi đưa cho H 200.000 đồng (gồm 02 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng). H cất tiền vào túi quần phía trước bên trái đang mặc, thì bị Công an tỉnh Thái Bình phát hiện. Tại đây, trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương, anh Trần Văn T, sinh năm 1989, trú tại thôn H, xã VC, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, ông Lê Trung T, sinh năm 1958, trú tại thôn CT, xã DHT, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, Công an tiến hành kiểm tra người bị cáo L, thu giữ, quản lý tại túi áo ngực bên trái phía trước L đang mặc 02 gói được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, bên trong đều chứa chất bột màu trắng dạng cục (niêm phong ký hiệu M1), L khai đó là ma túy vừa mua của bị cáo H với giá 200.000 đồng về để sử dụng cho bản thân; Kiểm tra người bị cáo H, thu giữ, quản lý tại túi quần bên trái phía trước H đang mặc 200.000 đồng (gồm 2 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng) (niêm phong ký hiệu M2), Hải khai đây là tiền vừa bán ma túy cho L mà có; thu giữ tại túi quần bên phải phía trước H đang mặc 01 túi nilon trong suốt có mép cài, bên trong có 15 gói được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, mở ra bên trong đều chứa chất bột màu trắng dạng cục (niêm phong ký hiệu M3) H khai 15 gói đều là ma túy của H cất giấu để bán kiếm lời. Anh Trần Văn T tự kiểm tra người và phương tiện, không phát hiện gì liên quan đến ma túy. Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Hữu H, tại thôn CT, xã DHT, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình đã phát hiện, thu giữ tại ngăn tủ để tivi bên phải phía dưới trong phòng khách tầng một 01 gói được gói bằng giấy ăn, cuốn ngoài bằng dây chun màu vàng, mở ra bên trong có 29 gói được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, bên trong các gói đều chứa chất bột màu trắng dạng cục (niêm phong ký hiệu K1), H khai đó là ma túy, loại heroine của H cất giấu để bán kiếm lời; thu tại ngăn kéo tủ để đồ trong phòng ngủ tầng hai 01 khẩu súng ngắn côn quay bằng

kim loại, tay cầm có ốp bằng nhựa; 01 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu đỏ bên trong có 09 viên đạn đều có đặc điểm vỏ bằng kim loại màu vàng, đầu đạn bằng kim loại màu đen, đều là đồ vật của con trai H là Lê Ngọc V, sinh năm 1994, trú tại thôn CT, xã DHT, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Ngày 08/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình khám xét nơi ở của Bùi Thành L tại thôn ĐTL, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình không phát hiện, thu giữ gì.

- Kết luận giám định số 105/KL-KTHS(MT) ngày 08/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu M1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,0411 gam; Mẫu M3 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,3720 gam; Mẫu K1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,9321 gam. *Heroine STT: 09, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ- CP ngày 15/5/2018 và Nghị định 60/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ*.

- Bản kết luận giám định số 72/KL-KTHS (TL) ngày 26/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Hai tờ tiền Việt Nam, loại polymer mệnh giá 100.000 đồng trong phong bì niêm phong gửi giám định là tiền thật.

- Bản kết luận giám định số 2175/KL-KTHS ngày 07/4/2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Khẩu súng kiểu ổ quay gửi giám định là súng tự chế bắn đạn 5,6x15,5mm thuộc vũ khí quân dụng, hiện còn sử dụng được; 09 viên đạn gửi giám định là đạn cỡ 5,6x15,5mm, thuộc vũ khí thể thao, hiện còn sử dụng được;

Cáo trạng số 62/CT-VKSTT ngày 14/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo Lê Hữu H về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*; Truy tố bị cáo Bùi Thành L về tội:*"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"*. Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội: Đề nghị tuyên bố Lê Hữu H phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*; Bị cáo Bùi Thành L phạm tội: *" Tàng trữ trái phép chất ma tuý"*. Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hữu H từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tháng tù, đề nghị phạt bổ sung đối với bị cáo từ 7 đến 10 triệu đồng; Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thành L từ 1 năm 3 tháng đến 1 năm 6 tháng tù, không đề nghị phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đề nghị áp dụng điểm b,c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy đã thu giữ, tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng đã thu giữ. Đề nghị tuyên nghĩa vụ chịu án phí đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; Các bị cáo đều không có ý kiến gì với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đều biết rõ tác hại của ma túy và biết rõ việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất gây nghiện nhưng vẫn cố ý vi phạm. Bị cáo Lê Hữu H có hành vi bán trái phép 02 gói ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,0411 gam cho Bùi Thành Luân là người đã bị kết án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" chưa được xóa án tích lấy 200.000 đồng. Ngoài ra, Lê Hữu H còn tàng trữ trái phép trong người 15 gói ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,3720 và cất giấu ở nơi ở của Lê Hữu H 29 gói ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,9321 gam, đều có mục đích để bán kiếm lời. Tổng khối lượng ma túy H bán và có mục đích bán trái phép là: 1,3452 gam, loại heroine. Bị cáo Bùi Thành L là người đã bị kết án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo bản án số 47/2019/HSST ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục thực hiện hành vi tàng trữ 0,0411 mục đích để sử dụng. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng; Bản kết luận giám định số 105/KL-KTHS(MT) ngày 08/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận; Lời khai của ông Lê Trung Tuấn và anh Trần Văn T cùng các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Hữu H đã phạm vào tội "*Mua bán trái phép chất ma tuý"* quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Bùi Thành L đã phạm vào tội "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý"* quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy:

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với 02 người trở lên;

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

đ) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

e) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội hoặc bán ma túy cho người dưới 16 tuổi;

g) Qua biên giới;

h) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;

i) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

k) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;

l) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;

m) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;

n) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;

o) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililít đến dưới 250 mililít;

p) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này;

q) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;

c) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;

d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililít đến dưới 750 mililít;

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;

c) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng 75 kilôgam trở lên;

d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;

đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililít trở lên;

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

d) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;

e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;

g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;

h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililít đến dưới 100 mililít;

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;

e) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;

g) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

h) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;

i) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;

k) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;

l) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;

m) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililít đến dưới 250 mililít;

n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này;

o) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;

c) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;

d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililít đến dưới 750 mililít;

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;

c) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng 75 kilôgam trở lên;

d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;

đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililít trở lên;

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

5.Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

[3] Bị cáo Lê Hữu H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Bùi Thành L đã bị kết án theo bản án hình sự số 07/2016/HSST ngày 19/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Bình chưa được xóa án tích lại phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo bản án số 47/2019/HSST ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Do bản án số 47/2019/HSST ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã tính là tình tiết định tội cho lần phạm tội này nên bản án số 07/2016/HSST ngày 19/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Bình chưa được xóa án tích là tình tiết tăng nặng "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự cho lần phạm tội này. Quá trình điều tra bị cáo Luân đã thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm nên cho bị cáo hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Bị cáo Lê Hữu H có nhân thân tốt; Bị cáo Bùi Thành L có nhân thân xấu đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng không quyết tâm rèn luyện, từ bỏ ma túy nay lại tiếp tục tàng trữ ma túy để sử dụng. Xét thấy hành vi phạm tội của hai bị cáo gây nguy hại cho xã hội, việc mua bán, tàng trữ sử dụng trái phép chất ma túy gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái giống nòi, phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình và cũng là nguyên nhân làm phái sinh các tệ nạn xã hội khác. Do đó cần áp dụng Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự xử phạt tù giam đối với hai bị cáo với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo. Bị cáo H bán ma túy với mục đích để kiếm lời nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H. Bị cáo L tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, thu nhập trước khi bị bắt đủ cho sinh hoạt tối thiểu nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo L.

[5] Bị cáo Lê Hữu H không biết tên, tuổi, địa chỉ của người chở bị cáo đi mua ma túy và người bán ma túy cho bị cáo, nên Cơ quan Công an không có cơ sở để điều tra xử lý.

[6] Anh Trần Văn T không biết việc bị cáo Luân thuê chở đến nhà bị cáo Lê Hữu H để mua ma túy; Luân cũng không nói cho anh T biết L đi mua ma túy, nên Cơ quan Công an không xử lý đối với anh Tú là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Lê Ngọc V có hành vi cất giấu 01 khẩu súng ngắn côn quay bằng kim loại và 09 viên đạn là vũ khí quân dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã chuyển vụ việc đến Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Thái Bình để điều tra theo quy định.

[8] Về xử lý vật chứng**:** Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Số ma túy còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định thu giữ của bị cáo H và bị cáo L là loại vật Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy; Số tiền 200.000 đồng do bị cáo H phạm tội mà có cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Lê Hữu H phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý".*

- Tuyên bố bị cáo Bùi Thành L phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*

2. Hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Hữu H 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam - ngày 06/4/2022. Phạt bổ sung 7.000.000 đồng đối với bị cáo Lê Hữu H để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm a khoản 1Điều 249; Điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Bùi Thành L 01 (một) năm 3 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam - ngày 08/4/2022.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 0,0187 ma túy, loại Heroine thu giữ của Bùi Thành L - sau khi giám định; 0,3106 gam ma túy, loại Heroine thu giữ trên người của Lê Hữu H -

sau khi giám định; 0,8483 gam ma túy, loại Heroine thu giữ khi khám xét nơi ở của Lê Hữu H - sau khi lấy mẫu giám định và toàn bộ bao gói trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định mẫu số 105/KL- KTHS(MT) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình

- Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước 200.000 đồng gồm 02 tờ tiền Việt Nam loại polymer, mệnh giá 100.000 đồng có các số seri: SM 16821511, LP1534615 trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định ghi "Tiền giám định và bao gói niêm phong kèm theo Quyết định trưng cầu số 67/QĐ PC04 ngày 07/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

(*Vật chứng có đặc điểm như biên bản bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy lập ngày 16/6/2022*).

4.Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lê Hữu H và Bùi Thành L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Hữu H và Bùi Thành L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/6/2022).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương Lan

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND huyện TT;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Công an huyện TT;
- Chi cục THADS TT;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã DHT,TT và UBND xã ĐT, ĐH;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.